

Số: 20 /TM-KHVL

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Nhà cung cấp

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học công nghệ số 06/2025/HĐ-NĐT ngày 21/02/2025 giữa Bộ Khoa học công nghệ và Viện Khoa học vật liệu về việc thực hiện đề tài “Nghiên cứu chế tạo vật liệu aerogel trên cơ sở cellulose từ phụ phẩm nông nghiệp kết hợp với polymer và tro bay ứng dụng trong thu hồi dầu tràn”. Mã số: NĐT/ITA/24/06.

Hiện tại, Viện Khoa học vật liệu đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho 03 gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất và thiết bị năm 2025 và 2026 cho đề tài mã số NĐT/ITA/24/06.

Viện Khoa học vật liệu kính mời Nhà cung cấp báo giá vật tư, hóa chất và thiết bị theo các nội dung sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm (Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển,... Bên mua không phải trả thêm bất kỳ một chi phí nào).

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 14 giờ 00 phút ngày 28/3/2025.

- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng Tiếng Việt (Mẫu báo giá theo Phụ lục đính kèm).

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (đã ký, đóng dấu).

- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Quản lý tổng hợp - Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 0243 7568870.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, H2.



VIỆN TRƯỞNG

Trần Đại Lâm

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời báo giá số 20 /TM-KHVL ngày 24/3/2025)

Kính gửi: Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty/Cửa hàng chúng tôi kính gửi Quý Viện báo giá sau:

STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Urea						Độ tinh khiết 99-100,5%	Lọ 1kg	2			
2	Ethanol						Nồng độ 95%, ACS grade	Chai 1L	3			
3	Phosphate buffered saline						Dạng bột, pH 7.4	Hộp 10 gói	2			
4	Tris-EDTA buffer solution						pH 8.0	Lọ 500mL	2			
5	Sodium acetate buffer solution						pH 5,2	Lọ 500mL	2			
6	Hydrogen peroxide solution						Nồng độ 34,5-36,5%, ACS grade	Chai 1L	2			
7	Ethanol						Nồng độ 95.0%	Chai 500mL	80			
8	Sodium chloride						Độ tinh khiết 95%	Lọ 500g	4			
9	Sodium hydroxide						Độ sạch ≥98%	Lọ 500g	6			
10	Hydrogen peroxide solution						Hàm lượng >30%	Chai 500mL	10			



STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
11	Sulfuric acid						Nồng độ $\geq 96\%$	Chai 500mL	10			
12	Poly(vinyl alcohol)						Khối lượng phân tử trung bình; 89,000-98,000, 99+% hydrolyzed; ACS reagent	Lọ 500g	2			
13	Acrylic acid						Nồng độ 99%; ACS reagent	Lọ 1L	1			
14	N-isopropylacrylamide						Độ tinh khiết 97%; ACS reagent	Lọ 50g	4			
15	Chitosan						Khối lượng phân tử thấp, ACS reagent	Lọ 250g	2			
16	Alginate sodium salt from brown algae						Độ nhớt thấp; Bioreagent	Lọ 1kg	1			
17	Glutaraldehyde solution						Grade I, Dung môi 25% trong nước	Chai 1L	1			
18	Acetic acid						Độ tinh khiết $\geq 99\%$, ACS grade	Chai 500mL	4			
19	Acetone						Độ tinh khiết $\geq 99.5\%$; ACS grade	Chai 500mL	6			
20	Poly(vinyl alcohol)						Độ kiểm hóa 96-98%	Lọ 500g	4			
21	Acrylic acid						Độ tinh khiết $> 99\%$	Chai 500g	4			
22	N-isopropylacrylamide						Độ tinh khiết 98%	Lọ 100g	5			
23	Chitosan						Độ nhớt thấp: < 200 mPa.s	Lọ 500g	4			

STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
24	Carboxymethyl chitosan						Mức độ thay thế $\geq 80\%$	Lọ 500g	4			
25	Sodium Alginate						Độ tinh khiết 90%	Lọ 100g	20			
26	Axit acetic						Nồng độ 36%	Chai 500mL	20			
27	Glutaraldehyde solution						Dung môi 50% trong nước	Chai 500mL	2			
28	Methyltrimethoxysilane						Độ sạch 98%; ACS reagent	Chai 1L	1			
29	Vinyltrimethoxysilane						Độ sạch 98%; ACS reagent	Chai 500mL	2			
30	3-Aminopropyl trimethoxysilane						Độ sạch 97%; ACS reagent	Chai 500mL	2			
31	Tetraethyl orthosilicate						Độ tinh khiết 98%; ACS reagent	Chai 500mL	2			
32	Dimethyl sulfoxide						Độ sạch 99.9%, ACS reagent	Chai 500mL	4			
33	Trimethoxymethylsilane						Độ tinh khiết 98%	Chai 1L	5			
34	Vinyltrimethoxysilane						Độ tinh khiết 98%	Chai 100mL	10			
35	(3-Aminopropyl) trimethoxysilane						Độ tinh khiết 97%	Lọ 500g	6			
36	Sodium chloride						Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$	Lọ 1kg	2			

STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
37	Giấy parafilm						Kích thước 5 cm x 75 m	Cuộn	2			
38	Cốc thủy tinh 100ml						Chất liệu thủy tinh, thể tích 100ml	Chiếc	20			
39	Cốc thủy tinh 250 ml						Chất liệu thủy tinh, thể tích 250ml	Chiếc	25			
40	Cốc thủy tinh 1000ml						Chất liệu thủy tinh, thể tích 1000ml	Chiếc	30			
41	Ống Eppendorf 1,5 mL						Tiệt trùng, thể tích 1,5 mL	Túi 1000c	9			
42	Ống Falcon 15 mL						Nhựa PP	Túi 100c	10			
43	Ống Falcon 50 mL						Nhựa PP	Túi 50c	18			
44	Đầu tip 1 mL						Nhựa PP	Túi 1000c	7			
45	Đầu tip 200 µL						Nhựa PP	Túi 1000c	7			
46	Găng tay						Chất liệu mũ latex tự nhiên, không bột	Hộp 100c	90			
	Tổng cộng:											

Ghi chú: Báo giá cần ghi chi tiết các nội dung về Hiệu lực của báo giá; Chất lượng hàng hóa; Thời gian, địa điểm giao hàng; Bảo hành hàng hóa và các điều kiện khác (nếu có).

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thư mời báo giá số 20 /TM-KHVL ngày 24/3/2025)

Kính gửi: Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Công ty/Cửa hàng chúng tôi kính gửi Quý Viện báo giá sau:

[illegible]

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thư mời báo giá số 20 /TM-KHVL ngày 24/3/2025)

Kính gửi: Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Công ty/Cửa hàng chúng tôi kính gửi Quý Viện báo giá sau:

STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Ethanol						Nồng độ 95%, ACS grade	Chai 1L	2			
2	Phosphate buffered saline						Dạng bột, pH 7.4	Hộp 10 gói	4			
3	Tris-EDTA buffer solution						pH 8.0	Lọ 500mL	4			
4	Sodium acetate buffer solution						pH 5,2	Lọ 500mL	4			
5	Ethanol						Nồng độ 95.0%	Chai 500mL	20			
6	Sodium chloride						Độ tinh khiết 95%	Lọ 500g	4			
7	Poly(vinyl alcohol)						Độ kiểm hóa 96-98%	Lọ 500g	6			
8	Acrylic acid						Độ tinh khiết > 99%	Chai 500g	6			
9	N-isopropylacrylamide						Độ tinh khiết 98%	Lọ 100g	10			
10	Chitosan						Độ nhớt thấp: <200 mPa.s	Lọ 500g	6			
11	Carboxymethyl chitosan						Mức độ thay thế $\geq 80\%$	Lọ 500g	6			



STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	Sodium Alginate						Độ tinh khiết 90%	Lọ 100g	20			
13	Axit acetic						Nồng độ 36%	Chai 500mL	10			
14	Glutaraldehyde solution						Dung môi 50% trong nước	Chai 500mL	2			
15	Trimethoxymethylsilane						Độ tinh khiết 98%	Chai 1L	5			
16	Vinyltrimethoxysilane						Độ tinh khiết 98%	Chai 100mL	10			
17	(3-Aminopropyl) trimethoxysilane						Độ tinh khiết 97%	Lọ 500g	4			
18	Dầu nhớt Castrol Power Ultimate						10W-50 MA2	Chai 1L	30			
19	Dầu Castrol Activ scooter						10W-40 SL MB	Chai 1L	30			
20	Dầu diesel						DO 0,05S-II	Chai 1L	30			
21	Giấy parafilm						Kích thước 5 cm x 75 m	Cuộn	2			
22	Cốc thủy tinh 100ml						Chất liệu thủy tinh, thể tích 100ml	Chiếc	20			
23	Cốc thủy tinh 250 ml						Chất liệu thủy tinh, thể tích 250ml	Chiếc	15			
24	Cốc thủy tinh 1000ml						Chất liệu thủy tinh, thể tích 1000ml	Chiếc	10			
25	Ống Eppendorf 1,5 mL						Tiệt trùng, thể tích 1,5 mL	Túi 1000c	4			

STT	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
26	Ống Falcon 15 mL						Nhựa PP	Túi 100c	3			
27	Ống Falcon 50 mL						Nhựa PP	Túi 50c	8			
28	Đầu tip 1 mL						Nhựa PP	Túi 1000c	6			
29	Đầu tip 200 µL						Nhựa PP	Túi 1000c	6			
30	Găng tay						Chất liệu mù latex tự nhiên, không bột	Hộp 100c	120			
	Tổng cộng:											

Ghi chú: Báo giá cần ghi chi tiết các nội dung về Hiệu lực của báo giá; Chất lượng hàng hóa; Thời gian, địa điểm giao hàng; Bảo hành hàng hóa và các điều kiện khác (nếu có).



....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CÔNG TY